BIỂU 01/TKTH

Ban hành kèm theo TTTL số: 43/2015TTLT-BNNPTNT-BKHĐT
ngày 23/11/2015 của Bộ NN và PTNT và Bộ KH và ĐT

Đơn vị báo cáo:
BCH PHÒNG THỦ DÂN SỰ
XÃ SAO VÀNG
Đơn vị nhận báo cáo:
BCH PHÒNG THỦ DÂN SỰ
TỈNH THANH HÓA

Ngày nhận báo cáo:

TỔNG HỢP THIỆT HẠI NHANH/ĐỢT DO THIÊN TAI GÂY RA

Áp dụng cho các loại thiên tai: Bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sụt lún đất, nước dâng, sóng thần

Thời gian: Từ ngày 13/9/2026 đến ngày 19/9/2026

Địa điểm nơi xảy ra thiên tai: Xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hoá

Loại hình thiên tai: Mưa lớn, lũ.

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIỆT HẠI	Đơn vị tính	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	ghi chú
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*
1	**NG**	**THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI**		**Không có**	**0**	
2	**NH**	**THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở**	**triệu đồng**	**Không có**	**-**	
3	**GD**	**THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC**	**triệu đồng**	**Không có**	**0**	
4	**YT**	**THIỆT HẠI VỀ Y TẾ**	**triệu đồng**	**Không có**	**0**	
5	**VH**	**THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA**	**triệu đồng**	**Không có**	**0**	
6	**NLN**	**THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP**	**triệu đồng**	**43.514**	**390.735**	
6.1	**NLN01**	**Diện tích lúa**		**27.933**	**255.695**	
6.1.1	***NLN011***	***Diện tích gieo cấy lúa thuần***	***ha***			
6.1.1.1	*NLN0111*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
6.1.1.2	*NLN0112*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
6.1.1.3	*NLN0113*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
6.1.1.4	*NLN0114*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
6.1.1.5	*NLN0115*	*Bị ngập, đổ nhưng chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
6.1.2	***NLN012***	***Diện tích gieo cấy lúa lai***	***ha***	***27.933***	***255.695***	
6.1.2.1	*NLN0121*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*	*23.206*	*232.060*	
6.1.2.2	*NLN0122*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*	*4.727*	*23.635*	
6.1.2.3	*NLN0123*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
6.1.2.4	*NLN0124*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
6.1.2.5	*NLN0125*	*Bị ngập, đổ nhưng chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
6.2	**NLN02**	**Diện tích mạ**	*ha*			
6.2.1	***NLN021***	***Diện tích mạ lúa thuần***	***ha***			
6.2.1.1	*NLN0211*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
6.2.1.2	*NLN0212*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
6.2.1.3	*NLN0213*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			

6.2.1.4	*NLN0214*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
6.1.2.5	*NLN0125*	*Bị ngập nhưng chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
6.2.2	***NLN022***	***Diện tích mạ lúa lai***	***ha***			
6.2.2.1	*NLN0221*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
6.2.2.2	*NLN0222*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
6.2.2.3	*NLN0223*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
6.2.2.4	*NLN0224*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
6.1.2.5	*NLN0125*	*Bị ngập nhưng chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
6.3	**NLN03**	**Diện tích hoa màu, rau màu** *(các loại đậu, rau các loại)*	**ha**			
6.3.1	*NN031*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
6.3.2	*NN032*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
6.3.3	*NN033*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
6.3.4	*NN034*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
6.3.5	*NN035*	*Chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
6.4	***NLN04***	**Số lượng hoa, cây cảnh các loại**	**chậu,cây**			
6.4.1	*NLN041*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*chậu,cây*			
6.4.2	*NLN042*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*chậu,cây*			
6.4.3	*NLN043*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*chậu,cây*			
6.4.4	*NLN044*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*chậu,cây*			
6.5	**NLN05**	**Diện tích cây trồng lâu năm** *(cao su, cà phê, chè)*	**ha**			
6.5.1	*NLN051*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
6.5.2	*NLN052*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
6.5.3	*NLN053*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
6.5.4	*NLN054*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
6.6	**NLN06**	**Diện tích cây trồng hàng năm** *(ngô, khoai lang, sắn, lạc, mía, kê, chuối, cao lương, cây thức ăn gia súc, cói, thuốc lào)*	**ha**	***14.241***	***124.320***	
6.6.1	*NLN061*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*	*13.415*	*119.250*	
6.6.2	*NLN062*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*	*0.826*	*5.070*	
6.6.3	*NLN063*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
6.6.4	*NLN064*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
6.7	**NLN07**	**Diện tích cây ăn quả tập trung** *(các loại cây ăn quả thu hoạch nhiều năm)*	***ha***	***0.000***	***0.000***	
6.7.1	*NLN071*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*	*0.000*	*0.000*	
6.7.2	*NLN072*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
6.7.3	*NLN073*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
6.7.4	*NLN074*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
6.8	**NLN08**	**Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống**	***ha***			
6.8.1	*NLN081*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
6.8.2	*NLN082*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
6.8.3	*NLN083*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
6.8.4	*NLN084*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
6.9	**NLN09**	**Diện tích rừng trồng phân tán**	**ha**	**1.340**	**10.720**	
6.9.1	*NLN091*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*	1.340	10.720	
6.9.2	*NLN092*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*	0.000	0.000	
6.9.3	*NLN093*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			

6.9.4	*NLN094*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
6.10	**NLN10**	**Cây bóng mát, cây xanh đô thị bị đổ, gãy**	**cây**			
6.11	**NLN11**	**Cây giống bị hư hỏng**	**ha**			
6.12	**NLN12**	**Hạt giống hư hỏng**	**tấn**			
6.13	**NLN13**	**Lương thực bị trôi, ẩm, ướt và hư hỏng**	**tấn**			
6.14	**NLN14**	**Diện tích đất ở bị xói lở, vùi lấp**	**ha**			
6.15	**NLN15**	**Diện tích ruộng muối bị vùi lấp, hư hỏng**	**ha**			
6.16	**NLN16**	**Muối bị hư hỏng**	**tấn**			
6.17	**NLN17**	**Diện tích canh tác bị ngập mặn**	**ha**			
6.18	**NLN18**	**Diện tích canh tác bị hạn, thiếu nước**	**ha**			
6.19	**NLN19**	**Diện tích ngừng sản xuất do thiếu nước tưới**	**ha**			
6.20	**NLN20**	**Các thiệt hại về nông, lâm, diêm nghiệp khác (*)**	**triệu đồng**			
7	**CHN**	**THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI**	**triệu đồng**	**507**	**15.717**	
7.1	**CHN1**	**Gia súc bị chết, cuốn trôi, RÉT**	**con**			
7.1.1	CHN01	Trâu, bò, ngựa	con			
7.1.1.1	*CHN011*	*Trâu, bò, ngựa đến 6 tháng tuổi*	*con*			
7.1.1.2	*CHN012*	*Trâu, bò, ngựa trên 6 tháng tuổi*	*con*			
7.1.2	CHN02	Nai, cừu, dê	con			
7.1.3	CHN03	Lợn	con			
7.1.3.1	*CHN031*	*Lợn đến 28 ngày tuổi*	*con*			
7.1.3.2	*CHN032*	*Lợn trên 28 ngày tuổi*	*con*			
7.1.3.3	*CHN033*	*Lợn nái và Lợn đực đang khai thác*	*con*			
7.1.4	CHN04	Các loại gia súc khác	con			
7.2	**CHN02**	**Gia cầm bị chết, cuốn trôi**	**con**	**507**	**15.717**	
7.2.1	CHN021	Gà, vịt, ngan, ngỗng	con			
7.2.1.1	*CHN0211*	*Gà, vịt, ngan, ngỗng đến 28 ngày tuổi*	*con*			
7.2.1.2	*CHN0212*	*Gà, vịt, ngan, ngỗng trên 28 ngày tuổi*	*con*	*507*	*15.717*	
7.2.2	**CHN023**	**Các loại gia cầm khác**	**con**			
7.3	**CHN03**	**Các loại vật nuôi khác bị chết, cuốn trôi**	*con*			
7.4	**CHN04**	**Thức ăn gia súc, gia cầm bị cuốn trôi, vùi lấp, hư hỏng**	**tấn**			
7.5	**CHN05**	**Vật tư phục vụ chăn nuôi bị cuốn trôi, hư hỏng**	**triệu đồng**			
7.6	**CHN06**	**Chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bị hư hỏng**	**triệu đồng**			
7.7	**CHN07**	**Nước cấp chăn nuôi tập trung bị thiếu hụt**	**m^3**			
7.8	**CHN07**	**Các thiệt hại về chăn nuôi khác (*)**	**triệu đồng**			
8	**TL**	**THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI**	***triệu đồng***			
8.1	**TL01**	**Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt**				
8.1.1	*TL011*	*Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)*	*m*			
8.1.2	*TL012*	*Số lượng mạch đùn, mạch sủi, lỗ rò*	*cái*			
8.1.3	*TL013*	*Diện tích thẩm lậu*	*m^2*			
8.1.4	*TL014*	*Các thiệt hại khác về đê*	triệu đồng			
8.2	**TL02**	**Đê từ cấp IV trở xuống, đê bối, bờ bao**				
8.2.1	*TL021*	*Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)*	*m*			
8.2.2	*TL022*	*Số lượng mạch đùn, mạch sủi, lỗ rò*	*cái*			
8.2.3	*TL023*	*Diện tích thẩm lậu*	*m^2*			
8.2.4	*TL024*	*Các thiệt hại khác về đê*	triệu đồng			
8.3	**TL03**	**Kè**				

8.3.1	*TL031*	*Chiều dài sạt lở, hư hỏng*	*m*			
8.3.2	*TL032*	*Diện tích bong xô*	*m^2*			
8.3.2	*TL032*	*Khối lượng đất*	*m^3*			
8.3.3	*TL033*	*Khối lượng đá, bê tông*	*m^3*			
8.3.4	*TL034*	*Các thiệt hại khác về kè*	triệu đồng			
8.4	**TL04**	**Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng**				
8.4.1	*TL041*	*Chiều dài*	*m*			
8.4.2	*TL042*	*Khối lượng đất*	*m^3*			
8.4.3	*TL043*	*Khối lượng đá, bê tông*	*m^3*			
8.4	**TL04**	**Cống**				
8.4.1	*TL041*	*Cống, bọng bị hư hỏng*	*cái*			
8.4.2	*TL042*	*Bọng bị trôi*	*cái*			
8.4.3	*TL043*	*Cống bị trôi*	*cái*			
8.4.4	*TL044*	*Các thiệt hại khác về cống*	triệu đồng			
8.5	**TL05**	**Đập thủy lợi**				
8.5.1	*TL051*	*Đập bị sạt lở, hư hỏng*	*cái*			
8.5.2	*TL052*	*Đập bị vỡ (ghi rõ tên đập, chiều dài vỡ)*	*cái*			
8.5.3	*TL053*	*Các thiệt hại khác về đập*	triệu đồng			
8.6	**TL06**	**Số trạm bơm**	***cái***			
8.6.1	*TL061*	*Kiên cố bị hư hỏng*	*cái*			
8.6.2	*TL062*	*Bán kiên cố bị hư hỏng*	*cái*			
8.7	**TL07**	**Công trình thủy lợi khác bị vỡ, trôi và hư hỏng**	***cái***			
8.8	**TL08**	**Bờ biển, bờ sông, suối bị sạt lở**				
8.8.1	*TL081*	*Chiều dài sạt lở*	m			
8.8.2	*TL082*	*Diện tích bị mất*	*m^2*			
8.9	**TL09**		**triệu đồng**			
9	**GT**	**THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG**	**triệu đồng**			
10	**TS**	**THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN**	**triệu đồng**	**44.445**	***666.675***	
10.1	**TS01**	**Diện tích nuôi cá truyền thống**				
10.1.1	***TS011***	***Diện tích nuôi ao hồ nhỏ***	***ha***	***44.445***	***666.675***	
10.1.1.1	*TS0111*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*	*44.45*	*666.68*	
10.1.1.2	*TS0112*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
10.1.1.3	*TS0113*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
10.1.1.4	*TS0114*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
10.1.1.5	*TS0115*	*Chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
10.1.2	***TS012***	***Diện tích nuôi cá - lúa, nuôi hồ mặt nước lớn***	***ha***			
10.1.2.1	*TS0121*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
10.1.2.2	*TS0122*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
10.1.2.3	*TS0123*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
10.1.2.4	*TS0124*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
10.1.2.5	*TS0125*	*Chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
10.2	**TS02**	**Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh**	**ha**			
10.2.1	*TS021*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
10.2.2	*TS022*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
10.2.3	*TS023*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
10.2.4	*TS024*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			

10.2.5	*TS025*	*Chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
10.3	**TS03**	**Diện tích nuôi tôm**	ha			
10.3.1	**TS031**	***Diện tích nuôi tôm sú quảng canh***	ha			
10.3.1.1	*TS0311*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
10.3.1.2	*TS0312*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
10.3.1.3	*TS0313*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
10.3.1.4	*TS0314*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
10.3.1.5	*TS0315*	*Chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
10.3.2	**TS032**	***Diện tích nuôi tôm sú thâm canh***	ha			
10.3.2.1	*TS0321*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
10.3.2.2	*TS0322*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
10.3.2.3	*TS0323*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
10.3.2.4	*TS0324*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
10.3.2.5	*TS0325*	*Chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
10.3.3	**TS033**	***Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng quảng canh***	ha			
10.3.3.1	*TS0331*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
10.3.3.2	*TS0332*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
10.3.3.3	*TS0333*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
10.3.3.4	*TS0334*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
10.3.3.5	*TS0335*	*Chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
10.3.4	**TS034**	***Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh***	ha			
10.3.4.1	*TS0341*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
10.3.4.2	*TS0342*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
10.3.4.3	*TS0343*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
10.3.4.4	*TS0344*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
10.3.4.5	*TS0345*	*Chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
10.3.5	**TS035**	***Diện tích nuôi nhuyễn thể***	ha			
10.3.5.1	*TS0351*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
10.3.5.2	*TS0352*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
10.3.5.3	*TS0353*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
10.3.5.4	*TS0354*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
10.3.5.5	*TS0355*	*Chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
10.4	**TS04**	**Diện tích nuôi ngao**	*ha*			
10.4.1	*TS041*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
10.4.2	*TS042*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
10.4.3	*TS043*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
10.4.4	*TS044*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
10.4.5	*TS045*	*Chưa xác định được thiệt hại*	*ha*			
10.5	**TS05**	**Các loại thuỷ, hải sản khác (*)**	**ha**			
10.5.1	*TS051*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*			
10.5.2	*TS052*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*			
10.5.3	*TS053*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*			
10.5.4	*TS054*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*			
10.6	**TS06**	**Lồng, bè nuôi thủy, hải sản các loại**	**100m*3***			
10.6.1	*TS061*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	100m*3*			
10.6.2	*TS062*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	100m*3*			
10.6.3	*TS063*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	100m*3*			

10.6.4	*TS064*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	100m*3*			
10.7	**TS07**	**Phương tiện khai thác thuỷ, hải sản**	chiếc			
10.7.1	***TS071***	***Công suất <20CV***	*chiếc*			
10.7.1.1	*TS0711*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*chiếc*			
10.7.1.2	*TS0712*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*chiếc*			
10.7.1.3	*TS0713*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*chiếc*			
10.7.1.4	*TS0714*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*chiếc*			
10.7.2	***TS072***	***Công suất 20-90CV***	***chiếc***			
10.7.2.1	*TS0721*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*chiếc*			
10.7.2.2	*TS0722*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*chiếc*			
10.7.2.3	*TS0723*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*chiếc*			
10.7.2.4	*TS0724*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*chiếc*			
10.7.3	***TS073***	***Công suất trên 90CV***	***chiếc***			
10.7.3.1	*TS071*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*chiếc*			
10.7.3.2	*TS072*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*chiếc*			
10.7.3.3	*TS073*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*chiếc*			
10.7.3.4	*TS074*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*chiếc*			
10.8	**TS08**	**Ngư cụ, trang thiết bị thông tin liên lạc**	*triệu đồng*			
10.8.1	*TS081*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*triệu đồng*			
10.8.2	*TS082*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*triệu đồng*			
10.8.3	*TS083*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*triệu đồng*			
10.8.4	*TS084*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*triệu đồng*			
10.9	**TS9**	**Công trình tránh trú bão**	**công trình**			
10.10	**TS10**	**Các thiệt hại về thủy sản khác (*)**	*triệu đồng*			
11	**TT**	**THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC**	**triệu đồng**			
11.1	**TT01**	**Cột Ăng ten bị đổ, gãy**	**cái**			
11.2	**TT02**	**Cột treo cáp bị đổ, gãy**	**cái**			
11.3	**TT03**	**Nhà trạm**	**cái**			
11.3.1	*TT031*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	cái			
11.3.2	*TT032*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	cái			
11.3.3	*TT033*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	cái			
11.3.4	*TT034*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	cái			
11.4	***TT04***	**Tuyến cáp**	triệu đồng			
11.4.1	*TT041*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	triệu đồng			
11.4.2	*TT042*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	triệu đồng			
11.4.3	*TT043*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	triệu đồng			
11.4.4	*TT044*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	triệu đồng			
11.5	**TT05**	**Các máy móc, thiết bị thông tin liên lạc**	triệu đồng			
11.6	**TT06**	**Các thiệt hại về thông tin liên lạc khác (*)**	triệu đồng			
12	**CN**	**THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP**	**triệu đồng**			
12.1	**CN01**	**Cột điện bị đổ, gãy**	**cái**			
12.1.1	*CN011*	*Trung và cao thế*	*cái*			
12.1.2	*CN012*	*Hạ thế*	*cái*			
12.2	**CN02**	**Dây điện bị đứt**	m			
12.2.1	*CN021*	*Trung và cao thế*	*m*			
12.2.2	*CN022*	*Hạ thế*	*m*			
12.3	**CN03**	**Trạm biến thế (biến áp) bị hư hỏng**	**cái**			

12.3.1	*CN031*	*Trung và cao thế*	*cái*			
12.3.2	*CN032*	*Hạ thế*	*cái*			
12.4	**CN04**	**Kè bờ thủy điện**	**m**			
21.4.1	*CN041*	*Chiều dài bị sạt*	*m*			
21.4.2	*CN042*	*Diện tích bị bong xô*	*m^2*			
21.4.3	*CN043*	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*			
12.5	**CN05**	**Hệ thống thoát nước bị bồi lấp, phá hủy**	**m**			
12.6	**CN06**	**Nhà xưởng, xí nghiệp, công trình công nghiệp**	**cái**			
12.6.1	*CN061*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	cái			
12.6.2	*CN062*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	cái			
12.6.3	*CN063*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	cái			
12.6.4	*CN064*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	cái			
12.7	**CN07**	**Máy móc, thiết bị bị phá hủy, hư hỏng**	**cái**			
12.8	**CN08**	**Than, khoáng sản bị trôi**	**tấn**			
12.9	**CN09**	**Sản phẩm công nghiệp khác bị cuốn trôi, hư hỏng**	*triệu đồng*			
12.10	**CN10**	**Thiệt hại khác trong nhà máy, xí nghiệp (*)**	*triệu đồng*			
12.11	**CN11**	**Thiệt hại khác trong hầm mỏ (*)**	*triệu đồng*			
12.12	**CN12**	**Thiệt hại khác trong công trình thủy điện (*)**	*triệu đồng*			
12.13	**CN13**	**Giàn khoan, giàn khai thác Dầu khí bị trôi, đổ, hư hỏng**	cái			
12.13.1	*CN141*	*Giàn khoan*	cái			
12.13.2	*CN142*	*Giàn khai thác*	cái			
12.14	**CN14**	**Đường ống bị vỡ**	**m**			
12.14.1	*CN141*	*Đường ống nội mỏ*	m			
12.14.2	*CN142*	*Đường ống chuyển dầu khí vào bờ, trên bờ*	m			
12.15	**CN15**	**Kho chứa nỗi**	**cái**			
12.15.1	*CN151*	*Tàu nổi xử lý và chứa dầu (FTSO)*	cái			
12.15.2	*CN152*	*Tàu nổi chứa dầu FSO*	cái			
12.17	*CN17*	**Các thiệt hại về công nghiệp khác (*)**	*triệu đồng*			
13	**XD**	**THIỆT HẠI VỀ XÂY DỰNG**	**triệu đồng**	**Không có**	**0**	
13.1	**XD01**	**Các công trình đang thi công**	*triệu đồng*			
13.1.1	*XD011*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*triệu đồng*			
13.1.2	*XD012*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*triệu đồng*			
13.1.3	*XD013*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*triệu đồng*			
13.1.4	*XD014*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*triệu đồng*			
13.2	**XD02**	**Máy móc, thiết bị xây dựng**	*triệu đồng*			
13.2.1	*XD021*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*triệu đồng*			
13.2.2	*XD022*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*triệu đồng*			
13.2.3	*XD023*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*triệu đồng*			
13.2.4	*XD024*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*triệu đồng*			
13.3	**XD03**	**Vật liệu xây dựng**	*triệu đồng*			
13.3.1	*XD031*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*triệu đồng*			
13.3.2	*XD032*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*triệu đồng*			
13.3.3	*XD033*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*triệu đồng*			
13.3.4	*XD034*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*triệu đồng*			
13.4	**XD04**	**Các thiệt hại về xây dựng khác (*)**	*triệu đồng*			

14	**MT**	**THIỆT HẠI VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**	*triệu đồng*	**Không có**	**0**	
ƯỚC TÍNH TỔNG THIỆT HẠI BẰNG TIỀN			***triệu đồng***		***1,073.13***	

UBND XÃ SAO VÀNG

XÃ SAO VÀNG

Phụ lục 01: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG TRỌT BỊ THIỆT HẠI DO ĐỢT MƯA LỚN TỪ NGÀY 13/9/2026- 20/9/2026

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
	TỔNG SỐ	**380.015**			**23.206**		**8.525**	**1.050**	**3.840**							**4.727**		**0.250**		**0.576**					**380.015**	
I	**Thôn Tiên Bạn**	**38.800**			**3.530**			**0.350**																	**38.800**	
1.000	Hà Văn Vang	0.500			0.050																				0.500	
2.000	Hà Văn Thức	2.500			0.250																				2.500	
3.000	Hà Van Chương	2.000			0.200																				2.000	
4.000	Hà Thị Tình	1.000			0.100																				1.000	
5.000	Hà Văn Bảo	1.500			0.150																				1.500	
6.000	Bùi Văn Chiều	0.500			0.050																				0.500	
7.000	Phạm Văn Thành	0.500			0.050																				0.500	
8.000	Bùi Xuân Nhất	0.500			0.050																				0.500	
9.000	Bùi Văn Nương	1.000			0.100																				1.000	
10.000	Hà Văn Tuấn	0.500			0.050																				0.500	
11.000	Hà Văn Đạt	1.000			0.100																				1.000	
12.000	Bùi Việt Cường	0.500			0.050																				0.500	
13.000	Bùi Văn Thắm	0.500			0.050																				0.500	
14.000	Bùi Văn Chai	1.000			0.100																				1.000	
15.000	Phạm Văn Cường	0.500			0.050																				0.500	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
16.000	Lê Thị Phòng	1.000			0.100																				1.000	
17.000	Phạm Tuấn Ninh	1.500			0.150																				1.500	
18.000	Phạm Văn Chiến	1.000			0.100																				1.000	
19.000	Lê Văn Tý	1.300			0.130																				1.300	
20.000	Lê Văn Vốn	0.500			0.050																				0.500	
21.000	Phạm Văn Hiền	0.500			0.050																				0.500	
22.000	Lê Văn Anh	0.500			0.050																				0.500	
23.000	Quách Văn Năm	0.500			0.050																				0.500	
24.000	Lê Văn Quý Soạn	0.500			0.050																				0.500	
25.000	Bùi Văn Phượng	0.500			0.050																				0.500	
26.000	Bùi Văn Quy	0.500			0.050																				0.500	
27.000	Cao Thị Được	1.000			0.100																				1.000	
28.000	Bùi Thị Tỏ	0.500			0.050																				0.500	
29.000	Hà Văn Chung	1.500			0.150																				1.500	
30.000	Phạm Văn Nhàn	1.500			0.150																				1.500	
31.000	Lê Văn Canh	1.500			0.150																				1.500	
32.000	Phạm Văn Chiến	1.000			0.100																				1.000	
33.000	Phạm Văn Bằng	1.000			0.100																				1.000	
34.000	Bùi Văn Thọ	1.000			0.100																				1.000	
35.000	Hà Công Tiền	0.500			0.050																				0.500	
36.000	Phạm Văn Hợi	1.500			0.150																				1.500	
37.000	Phạm Văn Bốn	0.500			0.050																				0.500	
38.000	Lê Văn Bản	0.500			0.050																				0.500	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
39.000	Mạnh Văn Thành	1.000			0.100																					1.000	
40.000	Phạm Văn Thành	1.500						0.150																		1.500	
41.000	Phạm Thị Phượng	1.000						0.100																		1.000	
42.000	Hà Công Diện	1.000						0.100																		1.000	
II	**Thôn Bột Thượng**	**21.000**					**3.500**																			**21.000**	
1.000	Lê Thị Tỉnh	0.840					0.140																			**0.840**	
2.000	Nguyễn Thii Phương	1.110					0.185																			**1.110**	
3.000	Lê Thị Vui	1.260					0.210																			**1.260**	
4.000	Nguyễn Thị Thảo	0.960					0.160																			**0.960**	
5.000	Lê Văn Tuấn	1.140					0.190																			**1.140**	
6.000	Lê Văn Lượng (Ca)	2.160					0.360																			**2.160**	
7.000	Đinh Thị Thu (Mười)	1.980					0.330																			**1.980**	
8.000	Đỗ Thị Khuyên	1.560					0.260																			**1.560**	
9.000	Lê Thị Lý	1.350					0.225																			**1.350**	
10.000	Lê Thị Bình	1.290					0.215																			**1.290**	
11.000	Đỗ Đình Tỵ	0.780					0.130																			**0.780**	
12.000	Lê Thị Thuận (Tâm)	0.960					0.160																			**0.960**	
13.000	Lê Thị Ký	0.720					0.120																			**0.720**	
14.000	Nguyễn Thị Ngọc	1.080					0.180																			**1.080**	
15.000	Lê Thị Hằng	1.170					0.195																			**1.170**	
16.000	Lê Duy Hoá	0.750					0.125																			**0.750**	
17.000	Cầm Bá Chái (Lẽ)	0.750					0.125																			**0.750**	
18.000	Đặng Thị Hiền	0.450					0.075																			**0.450**	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
19.000	Nguễn Văn Tư	0.690					0.115																			**0.690**	
III	**Thôn Diên Hào**	**99.660**			**9.366**			**0.600**																		**99.660**	
1.000	Nguyễn Văn Quang	0.650			0.065																					**0.650**	
2.000	Nguyễn Văn Tuấn(T)	1.750			0.175																					**1.750**	
3.000	Trịnh thị Hoa T	0.600			0.060																					**0.600**	
4.000	Nguyễn Văn Hùng	0.600			0.060																					**0.600**	
5.000	Phạm Thị Tình Sơn	0.750			0.075																					**0.750**	
6.000	Hoàng Văn Tư	0.650			0.065																					**0.650**	
7.000	Hoàng Văn Lâm	1.420			0.142																					**1.420**	
8.000	Lê Văn Thảo	1.000			0.100																					**1.000**	
9.000	Lê Văn Bốn	0.600			0.060																					**0.600**	
10.000	Hoàng Văn Bạo	0.800			0.080																					**0.800**	
11.000	Lê Đăng Sản	0.800			0.080																					**0.800**	
12.000	Lê Thị Tâm	0.700			0.070																					**0.700**	
13.000	Lưu Hùng Đang	0.700			0.070																					**0.700**	
14.000	Vũ Văn Hòa	0.500			0.050																					**0.500**	
15.000	Phạm Đình Hậu	1.250			0.125																					**1.250**	
16.000	Nguyễn Văn Thức	0.600			0.060																					**0.600**	
17.000	Lê Văn Dũng 7	1.250			0.125																					**1.250**	
18.000	Nguyễn Thị Bình	1.250			0.125																					**1.250**	
19.000	Phạm Thị Hồng	0.800			0.080																					**0.800**	
20.000	Lê Đăng Thành	1.500			0.150																					**1.500**	
21.000	Nguyễn Khắc Cần	0.650			0.065																					**0.650**	
22.000	Hunyf Thanh Lâm	2.500			0.250																					**2.500**	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
23.000	Lê Văn Lễ	1.000			0.100																				**1.000**	
24.000	Nguyễn Trung Thu	0.600			0.060																				**0.600**	
25.000	Phạm Đình Tâm	1.250			0.125																				**1.250**	
26.000	Lê Văn Thông	2.000			0.200																				**2.000**	
27.000	Đỗ Xuân Thủy	0.750			0.075																				**0.750**	
28.000	Nguyễn Văn Sáu	1.000			0.100																				**1.000**	
29.000	Hoàng Văn Thuận	0.800			0.080																				**0.800**	
30.000	Lê Văn Tỵ	0.850			0.085																				**0.850**	
31.000	Nguyễn Văn Sáu	1.000			0.100																				**1.000**	
32.000	Trương Văn Úc	0.800			0.080																				**0.800**	
33.000	Nguyễn Văn Tư	0.750			0.075																				**0.750**	
34.000	Nguyễn Văn Tuấn	0.600			0.060																				**0.600**	
35.000	Lê Văn Dũng	0.700			0.070																				**0.700**	
36.000	Lê Văn Luận	0.600			0.060																				**0.600**	
37.000	Đỗ trọng Thủy	0.300			0.030																				**0.300**	
38.000	Bùi Trí Hùng	0.600			0.060																				**0.600**	
39.000	Lê Văn Quang	0.800			0.080																				**0.800**	
40.000	Đỗ Văn Lung	1.000			0.100																				**1.000**	
41.000	Lê Thị Ngân	0.850			0.085																				**0.850**	
42.000	Phạm Đình Hải	0.750			0.075																				**0.750**	
43.000	Lê Thị Thủy	0.600			0.060																				**0.600**	
44.000	Lê Văn Đường	1.050			0.105																				**1.050**	
45.000	Nguyễn Thái Dũng	0.850			0.085																				**0.850**	
46.000	Lê Minh Thảo	1.050			0.105																				**1.050**	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
47.000	Lê Đăng Mậu	0.650			0.065																				**0.650**	
48.000	Lưu Đình Hòa	1.100			0.110																				**1.100**	
49.000	Nguyễn Văn Cúc	1.000			0.100																				**1.000**	
50.000	Nguyễn Mạnh Hùng	0.600			0.060																				**0.600**	
51.000	Lê Xuân Bình	0.750			0.075																				**0.750**	
52.000	Trịnh Đình Mạnh	0.900			0.090																				**0.900**	
53.000	Phạm Ngọc Bình	1.500			0.150																				**1.500**	
54.000	Nguyễn văn Thức	1.500			0.150																				**1.500**	
55.000	Đỗ Trọng Nhân	1.250			0.125																				**1.250**	
56.000	Lê Văn Chiến	1.800			0.180																				**1.800**	
57.000	Lê văn Thuật	0.800			0.080																				**0.800**	
58.000	Đỗ Xuân Hùng	1.050			0.105																				**1.050**	
59.000	Lê Văn Nguyên	1.500			0.150																				**1.500**	
60.000	Nguyễn Văn Cúc	1.000			0.100																				**1.000**	
61.000	Lê văn Tuyên	0.650			0.065																				**0.650**	
62.000	Lê Văn Úc	0.850			0.085																				**0.850**	
63.000	Lưu Hữu Ngà	0.800			0.080																				**0.800**	
64.000	Nguyễn Như Oanh	0.350			0.035																				**0.350**	
65.000	Lê Thị Hợi	1.250			0.125																				**1.250**	
66.000	Nguyễn văn chính	1.850			0.185																				**1.850**	
67.000	lê Thị Liên	0.600			0.060																				**0.600**	
68.000	Lê Văn Minh	3.000			0.300																				**3.000**	
69.000	Lê Văn Hải ©	1.000			0.100																				**1.000**	
70.000	Hoàng Văn Kiên	1.150			0.115																				**1.150**	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
71.000	Phạm Đình Ngọc	1.500			0.150																					**1.500**	
72.000	Lê Văn Hải (ch)	1.600			0.060			0.100																		**1.600**	
73.000	Phạm Thị Thúy	1.000			0.100																					**1.000**	
74.000	Nguyễn văn Tuấn	1.000			0.100																					**1.000**	
75.000	Lê Văn Chung	0.600			0.060																					**0.600**	
76.000	Lê văn Bốn	0.600			0.060																					**0.600**	
77.000	Trịnh Văn Mạnh	1.000			0.100																					**1.000**	
78.000	Nguyễn Văn Thu	0.600			0.060																					**0.600**	
79.000	Phạm Đình Sơn	1.000			0.100																					**1.000**	
80.000	Bùi trí Sơn .hùng	1.000			0.100																					**1.000**	
81.000	Lê Thị Lý	4.000			0.150			0.250																		**4.000**	
82.000	Phạm Đình Duy	1.050			0.105																					**1.050**	
83.000	Phạm Đình Hược	1.000			0.100																					**1.000**	
84.000	Nguyễn Thị Thuận	2.500			0.250																					**2.500**	
85.000	Hoàng Thị Khanh	0.750			0.075																					**0.750**	
86.000	Lưu Hùng Tuấn (TH)	1.020			0.102																					**1.020**	
87.000	Lê Đăng Cảnh	1.020			0.102																					**1.020**	
88.000	Lưu Đình Thành	0.500			0.050																					**0.500**	
89.000	Nguyễn văn Long	0.900			0.090																					**0.900**	
90.000	Lê Văn Thực	1.000			0.100																					**1.000**	
91.000	Hoàng Mạnh Hợp	2.250			0.225																					**2.250**	
92.000	Phạm Đình Diên	1.500			0.150																					**1.500**	
93.000	Lê Văn Thực(G)	1.000			0.100																					**1.000**	
94.000	Trần Xuân Quế	2.500						0.250																		**2.500**	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
IV	**Hồng Sơn**	**25.440**					**4.240**																		**25.440**	
1.000	Lê Thị Sáu	0.180					0.030																		**0.180**	
2.000	Lê Văn Bình	0.240					0.040																		**0.240**	
3.000	Trịnh Vinh Thọ	0.420					0.070																		**0.420**	
4.000	Trịnh Vinh Ngọc	0.600					0.100																		**0.600**	
5.000	Trịnh Đăng Phúc	0.720					0.120																		**0.720**	
6.000	Lê Văn Bóng	0.210					0.035																		**0.210**	
7.000	Nguyễn Thị Xuân	0.480					0.080																		**0.480**	
8.000	Trịnh Xuân Hiền	0.300					0.050																		**0.300**	
9.000	Hoàng Văn Chính	0.600					0.100																		**0.600**	
10.000	Lê Huy Cường	0.060					0.010																		**0.060**	
11.000	Phạm Thị Thủy	0.060					0.010																		**0.060**	
12.000	Hà Tiến Tính	0.600					0.100																		**0.600**	
13.000	Trịnh Đăng Lương	0.600					0.100																		**0.600**	
14.000	Nguyễn Xuân Hùng	0.600					0.100																		**0.600**	
15.000	Trịnh Vinh Lợi	0.600					0.100																		**0.600**	
16.000	Trịnh Vinh Dũng	0.420					0.070																		**0.420**	
17.000	Trịnh Đăng Sinh	0.300					0.050																		**0.300**	
18.000	Lê Văn Sáu	0.600					0.100																		**0.600**	
19.000	Lê Thị Hiệp	0.810					0.135																		**0.810**	
20.000	Lê Thị Vân	0.900					0.150																		**0.900**	
21.000	Lê Duy Minh	0.510					0.085																		**0.510**	
22.000	Vũ Hùng Công	0.480					0.080																		**0.480**	
23.000	Nguyễn Mạnh Ninh	0.600					0.100																		**0.600**	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
24.000	Lê Xuân Thành	0.960					0.160																			**0.960**	
25.000	Trịnh Hữu Thọ	0.360					0.060																			**0.360**	
26.000	Lê Đức Sinh	0.600					0.100																			**0.600**	
27.000	Lưu Hùng Cường	0.420					0.070																			**0.420**	
28.000	Lê Thị Hạ	0.420					0.070																			**0.420**	
29.000	Nguyễn Thị Vẻ	0.210					0.035																			**0.210**	
30.000	Phạm Đình Hoàn	0.210					0.035																			**0.210**	
31.000	Lưu Thị Chuyển	0.300					0.050																			**0.300**	
32.000	Trịnh Vinh Lâm	0.420					0.070																			**0.420**	
33.000	Phạm Văn Bảy	0.450					0.075																			**0.450**	
34.000	Trịnh Vinh Thúy	0.450					0.075																			**0.450**	
35.000	Lưu thị Hưng	0.600					0.100																			**0.600**	
36.000	Trần trọng hải	0.210					0.035																			**0.210**	
37.000	Lê Minh Sản	0.210					0.035																			**0.210**	
38.000	Lê Thị Tâm	0.210					0.035																			**0.210**	
39.000	Lê Thị nhung	0.210					0.035																			**0.210**	
40.000	Trịnh Đăng Chiến	0.600					0.100																			**0.600**	
41.000	Trinh Vinh Thúy	0.300					0.050																			**0.300**	
42.000	Hoàng Quốc Tuấn	0.210					0.035																			**0.210**	
43.000	Ngọ Quang Long	0.420					0.070																			**0.420**	
44.000	Phạm Văn Bảy	0.480					0.080																			**0.480**	
45.000	Nguyễn Thị Hà	0.210					0.035																			**0.210**	
46.000	Ngô Văn Chung	4.500					0.750																			**4.500**	
47.000	Nguyễn Thanh Bình	0.600					0.100																			**0.600**	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích										Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
48.000	Hà Đình Tuấn	0.630					0.105																		**0.630**	
49.000	Đoàn Thị Thi	0.360					0.060																		**0.360**	
V	**Thôn Đăng Lầu**	**18.845**					**0.785**									**2.827**									**18.845**	
1.000	Nguyễn Quốc Bảo	1.250					0.125									0.100									**1.250**	
2.000	Lê Khắc Nghiêm	1.800					0.175									0.150									**1.800**	
3.000	Lê Đình Mùi	0.750														0.150									**0.750**	
4.000	Tần Văn Thược	0.720					0.120																		**0.720**	
5.000	An Văn Quý	0.850					0.075									0.080									**0.850**	
6.000	Nguyễn Thị Tuyết	0.375														0.075									**0.375**	
7.000	Hoàng Thị Điểm	0.450					0.075																		**0.450**	
8.000	Nguyễn Văn Lâm	0.400														0.080									**0.400**	
9.000	Phạm Văn Hưng	1.025					0.025									0.175									**1.025**	
10.000	Trịnh Thanh An	0.375														0.075									**0.375**	
11.000	Lê Văn Vĩnh	0.430														0.086									**0.430**	
12.000	Lê Đồng Mao	0.500														0.100									**0.500**	
13.000	Lê Văn Khánh	0.335														0.067									**0.335**	
14.000	Lưu Thị Dung	0.170														0.034									**0.170**	
15.000	Lê Thị Đào	0.400														0.080									**0.400**	
16.000	Lê Khắc Nhâm	0.170														0.034									**0.170**	
17.000	Lê Thị Nam	0.790					0.090									0.050									**0.790**	
18.000	Nguyễn Mạnh Thường	0.600					0.100																		**0.600**	
19.000	Phùng Văn Chữ	0.335														0.067									**0.335**	
20.000	Nguyễn Thị Đảm	0.300														0.060									**0.300**	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích										Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
21.000	Phạm Văn Tiến	0.670														0.134									**0.670**	
22.000	Nguyễn Văn Bảo	0.670														0.134									**0.670**	
23.000	Lê Văn Ngọc	0.335														0.067									**0.335**	
24.000	Nguyễn Văn Thiện	0.170														0.034									**0.170**	
25.000	Nguyễn Văn Phúc(hậu)	0.250														0.050									**0.250**	
26.000	Nguyễn Văn Năm	0.585														0.117									**0.585**	
27.000	Nguyễn Hữu Huyên	0.335														0.067									**0.335**	
28.000	Phùng Văn Tâm	0.500														0.100									**0.500**	
29.000	Trịnh Đăng Thi	0.500														0.100									**0.500**	
30.000	Trịnh Thanh Biên	0.325														0.065									**0.325**	
31.000	Phạm Đình Xuân	1.250														0.250									**1.250**	
32.000	Trịnh Văn Tuyến	0.530														0.106									**0.530**	
33.000	Phạm Văn Huệ	0.700														0.140									**0.700**	
VI	**Cửa Trát**	**0.750**																**0.250**							**0.750**	
1.000	Nguyễn Văn Quy	0.750																**0.250**							**0.750**	
VII	**Thắng Lập**	**9.500**														**1.900**									**9.500**	
1.000	Lý Thị Mai	0.250														0.050									**0.250**	
2.000	Ngân Văn Hồng	0.250														0.050									**0.250**	
3.000	Trịnh Đình Thiện	0.250														0.050									**0.250**	
4.000	Bùi Thị Tiến	0.250														0.050									**0.250**	
5.000	Đoàn Văn Chung	0.250														0.050									**0.250**	
6.000	Hà Văn Bốn	0.250														0.050									**0.250**	
1.000	Lê Thị Chúc	0.250														0.050									**0.250**	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích										Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
8.000	Nguyễn Thị Thúy	0.250														0.050									**0.250**	
9.000	Lê Văn Bảy	0.250														0.050									**0.250**	
10.000	Bùi Văn Minh	0.375														0.075									**0.375**	
11.000	Nguyễn Văn Tạo	0.250														0.050									**0.250**	
12.000	Nguyễn Thị Thơm	0.125														0.025									**0.125**	
13.000	Lê Thị Kỳ	0.250														0.050									**0.250**	
14.000	Tống Thị Lơ	0.250														0.050									**0.250**	
15.000	Nguyễn Văn Dũng	0.250														0.050									**0.250**	
16.000	Nguyễn Hồng Nam	0.250														0.050									**0.250**	
17.000	Nguyễn Văn Sơn	0.500														0.100									**0.500**	
18.000	Nguyễn Văn Đông	0.250														0.050									**0.250**	
19.000	Vũ Thị Hòa	0.250														0.050									**0.250**	
20.000	Nguyễn Văn Sáng	0.500														0.100									**0.500**	
21.000	Đoàn Thị Tuyết	0.250														0.050									**0.250**	
22.000	Nguyễn Văn Hạnh	0.500														0.100									**0.500**	
23.000	Lê Xuân Thọ	0.250														0.050									**0.250**	
24.000	Lục Đình Dân	0.250														0.050									**0.250**	
25.000	Nguyễn Văn Hùng	0.500														0.100									**0.500**	
26.000	Lý Công Hùng	0.250														0.050									**0.250**	
27.000	Lê Văn Nghiệm	0.250														0.050									**0.250**	
28.000	Lê Ngọc Mới	0.500														0.100									**0.500**	
29.000	Lục Đình Toàn	0.500														0.100									**0.500**	
30.000	Nguyễn Văn Thuận	0.500														0.100									**0.500**	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích										Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
31.000	Nguyễn Văn Bình	0.250														0.050									**0.250**	
VIII	**Hoàng Kim**	96.450			**9.645**																				**96.450**	
1.000	Lê Viết Kỳ	2.500			0.250																				2.500	
2.000	Nguyễn Văn Thái	2.500			0.250																				2.500	
3.000	Lê Bá Quyết	2.000			0.200																				2.000	
4.000	Phạm Thị Lan	1.000			0.100																				1.000	
5.000	Lê Văn Bình	1.000			0.100																				1.000	
6.000	Lê Hữu Cảnh	1.000			0.100																				1.000	
7.000	Nguyễn Thị Hà	2.500			0.250																				2.500	
8.000	Ninh Thị Sáu	2.500			0.250																				2.500	
9.000	Lê Thị Thuận	2.000			0.200																				2.000	
10.000	Lê Hữu Cảnh	1.000			0.100																				1.000	
11.000	Nguyễn Như Cử	2.500			0.250																				2.500	
12.000	Lê Văn Mạnh	0.500			0.050																				0.500	
13.000	Lê Văn Bộ	2.500			0.250																				2.500	
14.000	Lê Huy Hơn	2.500			0.250																				2.500	
15.000	Đặng Thị Dừng	1.750			0.175																				1.750	
16.000	Trịnh Thị Nam	1.100			0.110																				1.100	
17.000	Lê Xuân Long	5.000			0.500																				5.000	
18.000	Trần Đức Kỳ	3.500			0.350																				3.500	
19.000	Lê Thị Hà	2.800			0.280																				2.800	
20.000	Lê Văn Năm	3.500			0.350																				3.500	
21.000	Lê Thị Bốn	2.750			0.275																				2.750	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
22.000	Phạm Thị Thu	3.000			0.300																				3.000	
23.000	Phạm Ngọc Thiện	1.500			0.150																				1.500	
24.000	Lê Thị Minh	2.000			0.200																				2.000	
25.000	Lê Huy Tuyên	1.500			0.150																				1.500	
26.000	Lê Khắc Mậu	2.000			0.200																				2.000	
27.000	Lê Văn Nam	3.300			0.330																				3.300	
28.000	Lê Huy Tuấn	1.500			0.150																				1.500	
29.000	Lê Văn Ngữ	1.500			0.150																				1.500	
30.000	Lê Văn Việt	2.000			0.200																				2.000	
31.000	Nguyễn Bá Thủy	2.000			0.200																				2.000	
32.000	Trần Đức Đông	1.500			0.150																				1.500	
33.000	Lê Văn Chính	2.000			0.200																				2.000	
34.000	Lê Đình Thành	2.000			0.200																				2.000	
35.000	Lê Văn Kỳ	1.500			0.150																				1.500	
36.000	Bùi Văn Tính	2.000			0.200																				2.000	
37.000	Lê Thị Phượng	1.500			0.150																				1.500	
38.000	Nguyễn Bá Độ	1.500			0.150																				1.500	
39.000	Lê Văn Bàn	2.000			0.200																				2.000	
40.000	Lê Bá Nhất	0.500			0.050																				0.500	
41.000	Lê Bá Bằng	1.100			0.110																				1.100	
42.000	Nguyễn Văn Bảy	2.000			0.200																				2.000	
43.000	Lê Thị Quyền	3.250			0.325																				3.250	
44.000	Phạm Ngọc Sơn	2.000			0.200																				2.000	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích										Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
45.000	Lê Đình Trọng	1.750			0.175																				1.750	
46.000	Lê Thị Tắc	3.150			0.315																				3.150	
47.000	Lê Thị Yên (an)	2.000			0.200																				2.000	
IX	**Thành Đồng**	**3.750**							**0.250**																**3.750**	
1.000	Trịnh Xuân Viên	1.500							0.100																1.500	
2.000	Lê Viết Quỳnh	2.250							0.150																2.250	
XI	**Xuân Long**	**7.650**			**0.665**			**0.100**																	**7.650**	
1.000	Bùi Tuấn Trường	2.500			0.150			0.100																		
2.000	Trần Thị Sáu	1.100			0.110																					
3.000	Mạc Văn Hà	0.750			0.075																					
4.000	Nguyễn Hữu Hồng	1.300			0.130																					
5.000	Bùi Văn Luân	0.750			0.075																					
6.000	Bùi Văn Cẩm	1.250			0.125																					
XII	**Thôn Quyết Tâm**	**58.170**							**3.590**												**0.576**				**58.170**	
1.000	Cao Văn Trình	0.045																		0.006					0.045	
2.000	Cao Văn Tấn	1.875							0.050											0.150					1.875	
3.000	Cao Văn Thể	22.500							1.500																22.500	
4.000	Cao Văn Huân	15.000							1.000																15.000	
5.000	Cao Văn Đông	2.250							0.150																2.250	
6.000	Cao Văn Không	0.975							0.040											0.050					0.975	
7.000	Phạm Văn Tấn	1.950							0.050											0.160					1.950	
8.000	Huỳnh Ngọc Sơn	0.375																		0.050					0.375	
9.000	Phạm Văn Tuấn	1.950							0.050											0.160					1.950	
10.000	Phạm Văn Thiên	2.250							0.150																2.250	
11.000	Lê Văn Hiếu	7.500							0.500																7.500	

TT	Địa phương	Ước tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề nghị h	
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW
			Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (Gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
12.000	Lê Văn Thắng	1.500							0.100																1.500	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	
27	*28*

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

ỗ trợ	
NSĐP đảm bảo	Ghi chú
Tr đồng	

0.200

38.800

0.200

0.200

13.415

0.200

0.200

0.200

0.200

0.200

0.200

0.200

0.200

0.200

0.200

0.200

0.200

0.200

UBND XÃ SAO VÀNG

Phụ lục 02: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIỆT HẠI DO ĐỢT MƯA LỚN TỪ NGÀY 13/9/2026- 20/9/2026

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30 đến 70%					Kinh phí đề nghị hỗ trợ			Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 3 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 3 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW	NSĐP đảm bảo	
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh , có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh , có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				
		Tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tr đồng	Tr đồng	Tr đồng	
	TỔNG SỐ	**10.72**	**1.34**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**10.72**	**-**	**-**	**-**
I	**Thôn Thành Đồng**	**8.64**	**1.08**										**8.64**			
1	Lê Đức Hùng	0.15	0.15										0.15			
2	Lê Văn Lộc	0.08	0.08										0.08			
3	Trần Văn Phúc	0.30	0.30										0.30			
4	Lê Đăng Hợp	0.25	0.25										0.25			
5	Trịnh Viết Thiện	0.10	0.10										0.10			
6	Lê Thị Hiên (Hùng)	0.20	0.20										0.20			
II	**Thôn Quyết Tâm**	**1.20**	**0.15**										**1.20**			
1	Phạm Văn Thiên	1.20	0.15										1.20			
III	**Thôn Đăng Lâu**	**0.88**	**0.11**										**0.88**			
1	Nguyễn Văn Thắng	0.40	0.05										0.40			
2	Nguyễn Thị Lịch	0.48	0.06										0.48			

UBND XÃ SAO VÀNG

Phụ lục 03: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI DODỢT MƯA LỚN TỪ NGÀY 13/9/2026- 20/9/2026

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trông bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ			GHI CHÚ
						Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW	NSĐP đảm bảo	
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng	Tr đồng	
	1	2	3	4	5	6	7	7	9
	TỔNG SỐ	**666.675**			**44.45**	**666.675**			
II	**Thôn Tiên Bạn**	**7.950**			**0.53**	**7.950**			
1	Phạm Thị Bằng	2.250			0.15	2.250			
2	Hà Văn Quỳnh	0.750			0.05	0.750			
3	Phạm tiến Thời	1.950			0.13	1.950			
4	Lê Văn Lai	1.500			0.1	1.500			
5	Lê Văn Vốn	0.750			0.05	0.750			
6	Phạm Văn Thùy	0.750			0.05	0.750			
II	**Thôn Xuân Hợp**	**19.500**			**1.300**	**19.500**			
1	Lê Sỹ Dũng	10.500			0.70	**10.500**			
2	Lê Văn Xuân	9.000			0.60	**9.000**			
III	**Thôn Hoàng Kim**	**345.675**			**23.05**	**345.675**			
1	Nguyễn Bá Bình	1.875			0.125	1.875			
2	Nguyễn Bá Bảo	0.750			0.05	0.750			
3	Phạm Văn Giao	10.125			0.675	10.125			
4	Lương Đình Hùng	1.500			0.1	1.500			
5	Nguyễn Văn Luận	0.750			0.05	0.750			
6	Nguyễn Văn Tuấn	0.750			0.05	0.750			
7	Nguyễn Văn Thái (K)	1.125			0.075	1.125			
8	Lê Thị Minh (Gia)	0.750			0.05	0.750			
9	Lê Văn Tao	0.375			0.025	0.375			
10	Lê Bá Bảy	0.750			0.05	0.750			
11	Lê Bá Ngọc	0.750			0.05	0.750			

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trông bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ			GHI CHÚ
						Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW	NSĐP đảm bảo	
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng	Tr đồng	
12	Lục Thị Phương	0.750			0.05	0.750			
13	Lê Thị Len	0.750			0.05	0.750			
14	Lê Văn Bình	0.375			0.025	0.375			
15	Nguyễn Như Quyền	9.000			0.6	9.000			
16	Nguyễn Văn Kiêm (Tâm)	7.500			0.5	7.500			
17	Lê Đình Bình	8.250			0.55	8.250			
18	Lê Bá Ái	7.500			0.5	7.500			
19	Lê Thị Gòm	2.250			0.15	2.250			
20	Lê Thị Đính	0.750			0.05	0.750			
21	Lê Bá Ngưu (Quảng)	5.250			0.35	5.250			
22	Đăng Ngọc Viên	0.750			0.05	0.750			
23	Lê Bá Kính	1.500			0.1	1.500			
24	Lê Huy Hởn	1.875			0.125	1.875			
25	Lê Thị Cảnh	1.500			0.1	1.500			
26	Lê Thị Thư (môn)	1.500			0.1	1.500			
27	Nguyễn Như Lợi	0.750			0.05	0.750			
28	Đào Văn Ngà	6.000			0.4	6.000			
29	Lê Đình Lọc	0.525			0.035	0.525			
30	Lê Đức Tường	15.000			1	15.000			
31	Lê Khắc Minh	7.500			0.5	7.500			
32	Lê Đức Thành	30.000			2	30.000			
33	Lê Văn Tường (D)	1.500			0.1	1.500			
34	Nguyễn Như Cữ	4.500			0.3	4.500			
35	Ninh Thị Sáu	1.125			0.075	1.125			
36	Lê Thị Thuận	2.250			0.15	2.250			
37	Nguyễn Như Hùng	15.000			1	15.000			
38	Lê Thị Kích	2.250			0.15	2.250			
39	Nguyễn Văn Nguyên	0.750			0.05	0.750			
40	Lê Đình Chuông	0.750			0.05	0.750			

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trông bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ			GHI CHÚ
						Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW	NSĐP đảm bảo	
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng	Tr đồng	
41	Lê Hữu Chức	5.250			0.35	5.250			
42	Lê Viết Tới	0.750			0.05	0.750			
43	Cao Thị Mị	0.750			0.05	0.750			
44	Lê Trọng Hưng	1.350			0.09	1.350			
45	Lê Thị Tuất	0.375			0.025	0.375			
46	Ninh Văn Phương	0.375			0.025	0.375			
47	Lê Viết Vong	0.750			0.05	0.750			
48	Nguyễn Duy Bình	0.375			0.025	0.375			
49	Lê Đình Võ	0.225			0.015	0.225			
50	Lê Duy Nhất	2.250			0.15	2.250			
51	Lê Văn Tiến	0.375			0.025	0.375			
52	Lê Hữu Vân	4.875			0.325	4.875			
53	Lê Hữu Thiệu	0.375			0.025	0.375			
54	Nguyễn Thị Dặng	0.450			0.03	0.450			
55	Lê Duy Lưu	0.600			0.04	0.600			
56	Đặng Thị Dệt	0.375			0.025	0.375			
57	Lê Duy Bòng	0.600			0.04	0.600			
58	Lê Đình Lương	0.750			0.05	0.750			
59	Trịnh Ngọc Anh	0.450			0.03	0.450			
60	Lê Hữu Ngoan	3.000			0.2	3.000			
61	Lê Quốc Chiến	5.250			0.35	5.250			
62	Đặng Văn An	2.250			0.15	2.250			
63	Lê Văn Quyết	1.950			0.13	1.950			
64	Ninh Văn Thuận	0.300			0.02	0.300			
65	Vũ Thị Ngà	2.250			0.15	2.250			
66	Lê Duy Tài	0.600			0.04	0.600			
67	Lê Doãn Thuyên	2.250			0.15	2.250			
68	Lê Đình Phương	5.250			0.35	5.250			
69	Lê Thị Xinh	0.600			0.04	0.600			

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trông bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ			GHI CHÚ
						Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW	NSĐP đảm bảo	
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng	Tr đồng	
70	Lê Duy Giáp	0.375			0.025	0.375			
71	Hoàng Trọng Dũng	1.500			0.1	1.500			
72	Lê Đình Lượng	4.500			0.3	4.500			
73	Đặng Văn Thái	0.525			0.035	0.525			
74	Doãn Trọng Thương	30.000			2	30.000			
75	Lê Văn Hùng	1.125			0.075	1.125			
76	Lê Duy Chinh	7.875			0.525	7.875			
77	Lê Thị Nhàn (Sơn)	1.500			0.1	1.500			
78	Lê Viết Phương	1.500			0.1	1.500			
79	Lê Quang Hảo	0.750			0.05	0.750			
80	Lê Văn Mau	7.500			0.5	7.500			
81	Lê Văn Năm	0.750			0.05	0.750			
82	Phạm Đình Thanh	3.000			0.2	3.000			
83	Lê Đức Tám	5.250			0.35	5.250			
84	Lê Văn Thỏa	0.750			0.05	0.750			
85	Hoàng Văn Việt	0.750			0.05	0.750			
86	Lê Bá Thănng	0.750			0.05	0.750			
87	Lê Huy Tuyên	0.750			0.05	0.750			
88	Nguyễn Thị Thanh	0.750			0.05	0.750			
89	Phạm Đình Tỉnh	3.000			0.2	3.000			
90	Lê Bá Lặp	8.250			0.55	8.250			
91	Lê Bá Túy	3.000			0.2	3.000			
92	Lê Văn Bảy	15.000			1	15.000			
93	Lê Đình Lý	7.500			0.5	7.500			
94	Lê Văn Chính (Chiến)	9.000			0.6	9.000			
95	Lê Huy Hội	1.125			0.075	1.125			
96	Lê Bá Huấn	4.500			0.3	4.500			
97	Lê Bá Sơn	1.500			0.1	1.500			
98	Lê Bá Bạo	0.750			0.05	0.750			

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trông bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ			GHI CHÚ
						Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW	NSĐP đảm bảo	
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng	Tr đồng	
99	Lê Tuấn Quế	0.750			0.05	0.750			
100	Lê Bá Đạo	1.500			0.1	1.500			
101	Lê Văn Nam (Thơ)	0.750			0.05	0.750			
102	Đào Văn Tuấn	1.125			0.075	1.125			
103	Lê Bá Quỳ	1.500			0.1	1.500			
104	Phong Thị Mai	1.500			0.1	1.500			
105	Lê Thị Nụ	2.250			0.15	2.250			
106	Lê Thị Chiến (Thuận)	0.750			0.05	0.750			
107	Lê Bá Hải	1.500			0.1	1.500			
108	Trần Ngọc Phác	0.750			0.05	0.750			
109	Trần Phú Quý	0.750			0.05	0.750			
110	Lê Hữu Hợp	0.750			0.05	0.750			
111	Lê Bá Tuấn	1.500			0.1	1.500			
112	Lê Thị Len	1.125			0.075	1.125			
113	Lê Thị Dậu	0.750			0.05	0.750			
114	Lê Hữu Kiên	0.750			0.05	0.750			
115	Lê Bá Mừng	0.750			0.05	0.750			
116	Lê Khắc Thân	0.750			0.05	0.750			
117	Đặng Thị Dứng	0.375			0.025	0.375			
118	Lê Thị Dinh	0.375			0.025	0.375			
IV	**Thôn Đăng Lâu**	**164.925**			**10.995**	**164.925**			
1	Lê Sỹ Tư	0.750			0.05	0.750			
2	Nguyễn Thị Bắc	0.900			0.06	0.900			
3	An Văn Chúc	1.125			0.08	1.125			
4	Nguyễn Văn Huấn	0.510			0.03	0.510			
5	Lê Thị Bích	1.125			0.08	1.125			
6	Nguyễn Văn Thao	0.900			0.06	0.900			
7	Nguyễn Ngọc Thịnh	0.600			0.04	0.600			
8	Trần Văn Thược	0.375			0.03	0.375			

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trông bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ			GHI CHÚ
						Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW	NSĐP đảm bảo	
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng	Tr đồng	
9	Nguyễn Văn Thắng	0.750			0.05	0.750			
10	An Văn Quý	0.750			0.05	0.750			
11	Hoàng Thị Điểm	0.510			0.03	0.510			
12	Lê Văn Vĩnh	0.900			0.06	0.900			
13	Lê Văn Khánh	0.600			0.04	0.600			
14	Nguyễn Đức Thọ	0.750			0.05	0.750			
15	Trương Thị Nghi	0.375			0.03	0.375			
16	Lê Khắc Thắng	0.705			0.05	0.705			
17	Lê Thị Thế	0.900			0.06	0.900			
18	Phạm Văn Cường	150.000			10.00	150.000			
19	Đỗ Văn Khởi	0.750			0.05	0.750			
20	Hoàng Văn Tuấn	0.750			0.05	0.750			
21	Lê Thị Minh (Gia)	0.900			0.06	0.900			
V	**Thôn Diên Hào**	**58.500**			**3.9**	**58.500**			
1	Phạm Văn Cường	45.000			3.00	45.000			
2	Trần Xuân Quế	6.000			0.40	6.000			
3	Trần Xuân Dục	7.500			0.50	7.500			
VI	**Thôn Quyết Tâm**	**30.825**			**2.055**	**30.825**			
1	Cao Văn Trình	0.375			0.025	0.375			
2	Lê Thị Phương	0.375			0.025	0.375			
3	Cao Văn Viện	0.600			0.040	0.600			
4	Lưu Đình Tuấn	2.250			0.150	2.250			
5	Cao Văn Không	0.600			0.040	0.600			
6	Lê Văn Thắng	3.000			0.200	3.000			
7	Cao Văn Khang	0.600			0.040	0.600			
8	Cao Văn Nuôi	0.525			0.035	0.525			
9	Cao Văn Tấn	7.500			0.500	7.500			
10	Phạm Văn Hiền	15.000			1.000	15.000			

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trông bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ			GHI CHÚ
						Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW	NSĐP đảm bảo	
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng	Tr đồng	
VII	**Thôn Bích Phương**	**39.30**			**2.620**	**39.300**			
1	NGUYỄN VĂN ĐÀI	0.38			0.025	0.38			
2	TRẦN VĂN THUỶ	0.38			0.025	0.38			
3	NGUYỄN VĂN VIỆT	0.75			0.05	0.75			
4	PHẠM THỊ NỤ	1.50			0.1	1.50			
5	NGUYỄN VĂN KIÊN	1.50			0.1	1.50			
6	LÊ ĐĂNG BÌNH	1.50			0.1	1.50			
7	NGUYỄN VĂN LIÊN	2.25			0.15	2.25			
8	HOÀNG VĂN THƯỜNG	0.75			0.05	0.75			
9	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	0.53			0.035	0.53			
10	NGUYỄN XUÂN THẠCH	0.75			0.05	0.75			
11	LÊ PHÚ HOÈ	0.75			0.05	0.75			
12	NGUYỄN HỮU HÁT	0.75			0.05	0.75			
13	NGUYỄN THỊ PHÚC	0.75			0.05	0.75			
14	ĐỖ THỊ MAY	0.75			0.05	0.75			
15	ĐỖ TRỌNG TÍNH	0.75			0.05	0.75			
16	NGUYỄN VĂN HOÀ	1.50			0.1	1.50			
17	NGUYỄN VĂN PHẨM	0.75			0.05	0.75			
18	ĐỖ THẾ LUÂN	0.75			0.05	0.75			
19	NGUYỄN VĂN ĐIỀU	0.75			0.05	0.75			
20	HÀ NGỌC ĐỒNG	0.75			0.05	0.75			
21	NGUYỄN VĂN TÌNH	1.13			0.075	1.13			
22	NGUYỄN VĂN TRÌNH	1.50			0.1	1.50			
23	NGUYỄN VĂN VUI	0.75			0.05	0.75			
24	NGUYỄN XUÂN LƯƠNG	0.75			0.05	0.75			
25	ĐỖ THẾ CHUNG	0.75			0.05	0.75			
26	NGUYỄN VĂN NỘI	0.75			0.05	0.75			
27	NGUYỄN XUÂN SƠN	1.50			0.1	1.50			
28	ĐIỀN TẤT PHƯỢNG	1.50			0.1	1.50			

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trông bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ			GHI CHÚ
						Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW	NSĐP đảm bảo	
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng	Tr đồng	
29	NGUYỄN ĐÌNH CHỈ	1.50			0.1	1.50			
30	HOÀNG CHÍ PHƯỢNG	0.83			0.055	0.83			
31	HOÀNG CHÍ ĐƯỢNG	0.75			0.05	0.75			
32	LÊ VĂN VUI	0.75			0.05	0.75			
33	NGUYỄN VĂN BÌNH	1.58			0.105	1.58			
34	NGUYỄN VĂN GIỚI	0.75			0.05	0.75			
35	NGUYỄN VĂN HOÀNG	1.13			0.075	1.13			
36	NGUYỄN HỮU MÃO	0.38			0.025	0.38			
37	NGUYỄN VĂN NGỌC	0.75			0.05	0.75			
38	NGUYỄN VĂN LAN	0.75			0.05	0.75			
39	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	0.75			0.05	0.75			
40	TRỊNH THỊ TUYẾN	0.75			0.05	0.75			
41	NGUYỄN HỮU TRƯỞNG	0.75			0.05	0.75			
42	NGUYỄN HỮU NAM	0.75			0.05	0.75			

UBND XÃ SAO VÀNG

Phụ lục 04: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI VẬT NUÔI BỊ THIỆT HẠI (CHẾT, MẤT TÍCH) DO BÃO SỐ 3 NĂM 2025

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)															Kinh phí đề nghị hỗ trợ			GHI CHÚ
			Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW	NSĐP đảm bảo	
			Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi					
		Tr đồng	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn	Tr đồng	Tr đồng	Tr đồng	
	TỔNG SỐ	**15.72**		**507.00**														**15.72**			
1	**Thành Đồng**	**15.717**		**507**														15.717			

1,073.13